

TÀI CHÍNH VI MÔ VÀ NÂNG CAO QUYỀN NĂNG CỦA PHỤ NỮ: MỘT SỐ QUAN ĐIỂM LÝ THUYẾT QUỐC TẾ VÀ HÀM Ý CHÍNH SÁCH CHO VIỆT NAM

★ ThS PHẠM THỊ THANH DUNG

Ban Kinh tế - Xã hội,
Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam

● **Tóm tắt:** Tài chính vi mô có mối quan hệ trực tiếp với quyền năng của phụ nữ. Để phát huy vai trò nâng cao quyền năng phụ nữ của tài chính vi mô, Việt Nam có thể cân nhắc bốn giải pháp là: Đánh giá tác động lấy nâng cao quyền năng của phụ nữ làm trung tâm; Xem xét tài chính vi mô trong bối cảnh hệ tư tưởng, văn hóa; Tài chính vi mô cần đi đôi với thay đổi nhận thức về bình đẳng giới; Tạo điều kiện thúc đẩy sứ mệnh xã hội và phạm vi hoạt động của tài chính vi mô.

● **Từ khóa:** Tài chính vi mô; nâng cao quyền năng; nâng cao quyền năng của phụ nữ.

Đặt vấn đề

Trong đa dạng các nỗ lực nâng cao quyền năng của phụ nữ, lý thuyết và thực tiễn đều chỉ ra mối liên hệ của quá trình này với tài chính vi mô. Với một số, tài chính vi mô được coi là công cụ hữu hiệu để nâng cao quyền năng của phụ nữ; với số khác, tài chính vi mô lại là yếu tố làm suy giảm quyền năng của phụ nữ. Sự khác biệt chủ yếu trong diễn ngôn là do các yếu tố như phương pháp luận, đặc điểm nhân khẩu học và bối cảnh kinh tế - xã hội.

Bài viết này sử dụng phương pháp nghiên cứu tài liệu (chủ yếu là các nghiên cứu quốc tế đã được công bố) để phân tích, đánh giá một số quan điểm lý thuyết của quốc tế về vấn đề này và đưa

ra khuyến nghị chính sách cho Việt Nam trong xác lập và phát huy mối quan hệ giữa hai quá trình trên.

1. Khái niệm nâng cao quyền năng của phụ nữ (1) Khái niệm quyền năng của phụ nữ

Quyền năng, hay còn gọi là quyền lực (tiếng Anh là power) là một thuật ngữ không đơn nghĩa. Theo Từ điển Cambridge, có thể kể ra một số cách quan niệm về quyền năng như sau: 1) là khả năng kiểm soát con người và sự kiện; 2) là mức độ kiểm soát về mặt chính trị mà một cá nhân hoặc tổ chức có được trong một quốc gia; 3) là quyền chính thức và hợp pháp để làm một việc nào đó; 4) là kỹ năng tự nhiên hoặc khả năng để làm một việc nào đó⁽¹⁾.

Trong Hán - Việt Từ điển, học giả Đào Duy Anh (1957) giải thích: “Quyền lực: cái sức có thể cưỡng chế khiến người ta phải phục tùng mình”⁽²⁾. Trong khi đó, tác giả của Đại từ điển Tiếng Việt quan niệm: “Quyền lực là quyền hành và thế lực mạnh, đủ để quyết định các công việc”⁽³⁾.

Trong nghiên cứu phát triển, thuật ngữ quyền năng (hay quyền lực) được sử dụng phổ biến, đặc biệt là khi nghiên cứu về những mối quan hệ bất bình đẳng như: quan hệ giữa nam giới với phụ nữ; quan hệ giữa người dân tộc thiểu số với cộng đồng dân tộc đa số; quan hệ giữa người khuyết tật với người không khuyết tật; quan hệ giữa người nghèo với người giàu... Trong các mối quan hệ này, quan hệ về giới được đặc biệt quan tâm vì đây là vấn đề có tính xuyên suốt và phổ biến do nó phản ánh quan hệ giữa hai nhóm cộng đồng lớn nhất. Trong mỗi quan hệ đó, phụ nữ - trong hầu hết các bối cảnh, là nhóm có quyền năng ít hơn nam giới.

Vậy quyền năng của phụ nữ là gì? Khi nói đến quyền năng của phụ nữ, nếu chỉ đề cập đến quyền năng của một cá thể là chưa đủ; quyền năng của phụ nữ cần được đặt trong mối quan hệ giữa phụ nữ với nam giới và giữa phụ nữ với xã hội. Trên cơ sở các định nghĩa nêu trên, quyền năng của phụ nữ có thể được hiểu là khả năng phụ nữ có thể “làm được” và “được làm” những điều bản thân mong muốn. Trong khi khả năng “làm được” phản ánh năng lực của chính bản thân người phụ nữ thì khả năng “được làm” phản ánh những yếu tố mang tính cấu trúc, các tác nhân bên ngoài ảnh hưởng tới quyết định và hành động của phụ nữ.

(2) Khái niệm và nội hàm thuật ngữ nâng cao quyền năng của phụ nữ

Thuật ngữ nâng cao quyền năng của phụ nữ được nêu ra từ những năm 1980 và đã trở nên thông dụng kể từ những năm 1990 khi thường

xuyên được sử dụng trong các hội nghị quốc tế về phụ nữ và dân số (Rowlands, 1998)⁽⁴⁾. Đây là một thuật ngữ được các học giả thảo luận nhiều vì tính phức tạp cũng như sự khó đo lường của nó. Theo Batliwala (1994)⁽⁵⁾, đặc điểm dễ thấy nhất của từ “nâng cao quyền năng” là có chứa thuật ngữ “quyền năng” (power) - có thể được định nghĩa là “kiểm soát tài sản vật chất, nguồn lực trí tuệ và hệ tư tưởng”. Do đó, nâng cao quyền năng được hiểu là một quá trình “phân phối lại quyền năng” (Batliwala, 1994). Định nghĩa của Batliwala được xây dựng dựa trên giả định rằng phụ nữ không có quyền năng do sự thống trị của nam giới. Giải pháp cho tình trạng bất lực của phụ nữ, trong bối cảnh đó, là phân phối lại quyền năng giữa nam giới và phụ nữ. Tuy nhiên, cách tiếp cận theo chủ nghĩa nữ quyền này cần được xem xét và tiếp nhận một cách thận trọng. Thứ nhất, cách tiếp cận này có thể dẫn đến tình trạng định kiến nam giới là thủ phạm áp bức phụ nữ, từ đó có thể vô tình đánh đồng “nâng cao quyền năng của phụ nữ” với việc “ghét bỏ nam giới” (men-hating). Như vậy, việc thiết kế các chương trình, dự án nhằm nâng cao quyền năng của phụ nữ có thể lại làm phương hại đến quyền năng của nam giới. Thứ hai, quyền năng của nam giới và phụ nữ, về bản chất, không phải là thứ có thể phân phối, cho tặng, mà nên được hiểu là một quá trình thụ hưởng và thực hành đầy đủ các quyền bẩm sinh trong bối cảnh có nhiều yếu tố chủ quan và khách quan tác động.

Thay vì xem xét sự mất cân bằng quyền năng giữa “kẻ yếu” và “người mạnh”, Kabeer (1999)⁽⁶⁾ mô tả nâng cao quyền năng như một quá trình. Kabeer lập luận rằng việc nâng cao quyền năng chỉ có thể diễn ra và đạt được bởi những người yếu thế, chứ không phải ở những người đã có đầy đủ quyền năng. Theo quan niệm của học giả này,



Tổ liên kết phụ nữ đan sản phẩm bàng xã Tân Hòa Thành, huyện Tân Phước đã tạo việc làm ổn định cho nhiều phụ nữ nông thôn _ Ảnh: baoapbac.vn

một người được nâng cao quyền năng nếu có “nguồn lực” để họ thực hiện “quyền tự quyết” của mình và đạt được một số “thành tựu” (tr.437). Nâng cao quyền năng như một quá trình có và sử dụng các nguồn lực để đạt được thành tựu cũng được các tác giả Swain và Wallentin (2009)⁽⁷⁾, Khan và Shaheen (2016)⁽⁸⁾ mô tả trong các nghiên cứu của mình. Bên cạnh việc nêu bật quá trình phát triển cá nhân, Kabeer và các học giả này cũng đề cập đến sự thay đổi về mặt cấu trúc xã hội giúp hình thành các nguồn lực, tác nhân tác động đến thành tựu của cá nhân. Trong quá trình nâng cao quyền năng của phụ nữ, sự biến chuyển về mặt cấu trúc này chính là sự xóa bỏ mối quan hệ bất bình đẳng về giới trong và ngoài gia đình. Quá trình này cho phép phụ nữ tiếp cận không chỉ các nguồn lực vật chất mà còn cả các nguồn lực xã hội để thực hiện quyền tự chủ và tự đưa ra các lựa chọn chiến lược cho

cuộc sống - một thực hành trước đây phụ nữ có thể không làm được.

Khung về nâng cao quyền năng của Rowlands (1995)⁽⁹⁾ đưa ra một bức tranh khá cụ thể về khái niệm này. Rowlands xem xét quá trình nâng cao quyền năng theo ba chiều cạnh: chiều cạnh cá nhân, chiều cạnh quan hệ thân thiết và chiều cạnh tập thể. Theo Rowlands, quá trình nâng cao quyền năng diễn ra khi một người có được sự tự tin và phát triển về năng lực; có khả năng tạo ảnh hưởng tới một mối quan hệ và đưa ra quyết định về mối quan hệ đó; có sự hợp tác với người khác để đạt được những thành tựu lớn hơn. Theo ba chiều cạnh này, Rowlands đã xác định tầm quan trọng của sức mạnh tập thể trong việc nâng cao quyền năng của phụ nữ. Trên thực tế, tình trạng dễ bị tổn thương của phụ nữ không chỉ là vấn đề của từng cá nhân mà đó là vấn đề mang tính cấu trúc

phải được giải quyết một cách có hệ thống thay vì đơn lẻ.

Trong nghiên cứu của mình về tác động của Chương trình Giáo dục Phụ nữ đối với cuộc sống của phụ nữ ở Honduras, Rowlands (1998)⁽¹⁰⁾ đã đưa ra những chỉ số cụ thể đối với ba chiều cạnh này. Đối với chiều cạnh cá nhân, các chỉ số như: sự tự tin, lòng tự trọng, ý thức về tính tự chủ, ý thức về bản thân trong một bối cảnh rộng hơn và phẩm giá cá nhân được tác giả đưa ra. Chiều cạnh quan hệ thân thiết bao gồm khả năng thương thuyết, khả năng giao tiếp, khả năng tiếp nhận sự hỗ trợ, khả năng bảo vệ bản thân và các quyền của bản thân, ý thức về bản thân và phẩm giá bản thân trong mối quan hệ. Chiều cạnh tập thể được thể hiện qua các chỉ số như: bản sắc nhóm, ý thức của tập thể về tính tự chủ, phẩm giá nhóm và khả năng tự tổ chức, quản lý.

Mặc dù có nhiều cách để khái niệm hóa việc nâng cao quyền năng của phụ nữ, có thể thấy rằng, các khái niệm đều đề cập tới sự thay đổi theo chiều hướng tích cực, từ “không có quyền năng” hoặc “có ít quyền năng” tới “có quyền năng” hoặc “có thêm quyền năng”. Sự thay đổi này cần được đo đếm ở các chiều cạnh khác nhau: bản thân đối tượng trước và sau khi được nâng cao quyền năng; sự thay đổi trong mối quan hệ giữa đối tượng được nâng cao quyền năng với những người thân xung quanh, nhất là với người phối ngẫu; và sự thay đổi mang tính tập thể, cộng đồng. Có nhiều chỉ số để đo lường sự thay đổi ở cả ba chiều cạnh này. Các chỉ số cần được gắn vào những bối cảnh cụ thể, những ưu tiên cụ thể.

Để đánh giá được sự nâng cao quyền năng, mỗi cơ quan, tổ chức quốc tế thường đưa ra những khung đo lường cụ thể cho vấn đề này nhằm phù hợp với ưu tiên của tổ chức. UNESCO (2022)⁽¹¹⁾ đưa ra khái niệm như sau: “nâng cao quyền năng đề cập tới quá trình cá nhân và tập

thể nam giới và phụ nữ có được sự kiểm soát đối với cuộc sống của mình, thiết lập được kế hoạch của bản thân, có được các kỹ năng, bồi đắp sự tự tin, có khả năng giải quyết vấn đề và phát triển khả năng tự lực”. CARE (2006)⁽¹²⁾ sử dụng khung nghiên cứu toàn cầu về nâng cao quyền năng của phụ nữ cho các chương trình, dự án của mình. Theo khung này, nâng cao quyền năng của phụ nữ được mô tả vừa là quá trình và vừa là kết quả, bao gồm ba chiều cạnh: tính tự chủ, tính cấu trúc và mối quan hệ. Ba chiều cạnh này có mối quan hệ mật thiết và ảnh hưởng lẫn nhau. Một bộ chỉ số cụ thể hóa theo cả ba chiều cạnh được CARE xây dựng để làm cơ sở đánh giá tác động của các chương trình, dự án đối với việc nâng cao quyền năng của phụ nữ.

2. Mối quan hệ giữa nâng cao quyền năng của phụ nữ và tài chính vi mô

Quyền năng của phụ nữ có được trên cơ sở sự hình thành và bảo đảm khả năng tự chủ của phụ nữ trong việc tiếp cận và sử dụng các nguồn lực để đưa ra và thực hiện các quyết định về kinh tế, chính trị và xã hội trong đời sống của mình. Trong các khía cạnh này, khía cạnh về kinh tế có thể được coi là trung tâm để tạo ra những tác động lan tỏa tới các khía cạnh khác. Chính vì vậy, các nỗ lực nâng cao quyền năng kinh tế của phụ nữ cũng chính là biện pháp nhằm hướng tới việc nâng cao quyền năng về mọi mặt của phụ nữ. Trong số các nỗ lực nhằm nâng cao quyền năng kinh tế của phụ nữ, các chương trình về tài chính vi mô là sáng kiến đã và đang được nhiều quốc gia đang phát triển và các tổ chức quốc tế áp dụng.

Các sáng kiến hỗ trợ phụ nữ tiếp cận các dịch vụ tài chính đã được phát triển vào giữa những năm 1970 như một giải pháp cho tình trạng thiếu hụt vốn để khởi nghiệp và phát triển kinh doanh quy mô nhỏ của phụ nữ (ILO, 1998)⁽¹³⁾. Kể từ khi ra đời, tài chính vi mô đã tạo được một niềm tin

chung trong cộng đồng về khả năng xóa đói giảm nghèo, tạo thu nhập và nâng cao quyền năng của phụ nữ (Chen, 1997)⁽¹⁴⁾. Hình thức của các chương trình tài chính vi mô rất phong phú như dưới dạng các chương trình xã hội, chương trình trung gian, hay dưới dạng ngân hàng phát triển hướng đến mục tiêu xóa đói giảm nghèo, quỹ quay vòng trong cộng đồng và các tổ/nhóm tiết kiệm và tín dụng. Mặc dù có nhiều hình thức triển khai khác nhau, các chương trình tài chính vi mô này có chung một số đặc điểm là: hướng đến những đối tượng có nhu cầu về vốn nhất, sử dụng hệ thống quản lý và cấp vốn phi tập trung, tổ chức người vay thành các nhóm thành viên để bảo đảm kỷ luật tài chính và hỗ trợ lẫn nhau tăng năng suất sản xuất (ILO, 1998)⁽¹⁵⁾. Phụ nữ thường được xác định là đối tượng chính của tài chính vi mô vì phụ nữ được coi là dễ bị tổn thương về mặt kinh tế hơn nam giới nhưng lại có trách nhiệm hoàn trả hơn nam giới và có đóng góp tốt hơn cho phúc lợi gia đình (Leach và Sitaram, 2002)⁽¹⁶⁾; ILO, 1998⁽¹⁷⁾.

Trong các chương trình về tài chính vi mô, theo Mayoux (1999)⁽¹⁸⁾, nâng cao quyền năng của phụ nữ có thể được hiểu là việc tăng thu nhập từ các hoạt động của chính phụ nữ; khả năng của phụ nữ trong kiểm soát thu nhập từ các khoản vay và hoạt động do các khoản vay tạo ra; khả năng của phụ nữ trong việc đàm phán để cải thiện phúc lợi của bản thân và khả năng tiếp cận của phụ nữ tới các mạng lưới hỗ trợ.

Mối quan hệ giữa tài chính vi mô và việc nâng cao quyền năng của phụ nữ đã được rất nhiều học giả thảo luận bởi tính gắn kết và phổ biến của nó. Có các luồng ý kiến khác nhau giữa các học giả về vấn đề này. Về cơ bản, luồng ý kiến thứ nhất khẳng định những tác động tích cực của tài chính vi mô; luồng ý kiến thứ hai còn hoài nghi về những tác động tích cực đó, đồng thời

đưa ra lập luận bằng một số tác động tiêu cực đã được ghi nhận.

(1) Tài chính vi mô góp phần nâng cao quyền năng của phụ nữ

Có một đánh giá chung về tác động nâng cao quyền năng của phụ nữ trong các chương trình tài chính vi mô, đó là việc phụ nữ tiếp cận tín dụng nhiều hơn có thể “khởi xướng một loạt “vòng xoáy có lợi” về nâng cao quyền năng kinh tế, tăng phúc lợi cho phụ nữ cùng gia đình họ và rộng hơn là nâng cao quyền năng xã hội, chính trị của phụ nữ” (Mayoux, 1999, tr.1)⁽¹⁹⁾. Một số nghiên cứu về tài chính vi mô ở các nước đang phát triển đã được tiến hành và đưa ra những dẫn chứng cụ thể cho đánh giá chung này như: cải thiện thu nhập và cơ hội việc làm của phụ nữ (Osmani, 1998⁽²⁰⁾; Khandker và cộng sự, 1995⁽²¹⁾; Ganle và cộng sự, 2015⁽²²⁾; Johnson, 2005⁽²³⁾); tăng mức tiêu dùng của phụ nữ (Johnson, 2005)⁽²⁴⁾; tăng tích lũy tài sản (Al-Shami và cộng sự, 2017)⁽²⁵⁾; tăng cường sự tự do và hiểu biết pháp luật của phụ nữ (Schuler và cộng sự, 1998)⁽²⁶⁾; phát triển khả năng lãnh đạo và các kỹ năng xã hội cho phụ nữ (Silverberg, 2014)⁽²⁷⁾.

Orso và Fabrizi (2016)⁽²⁸⁾ lập luận rằng khi phụ nữ tham gia các nhóm tín dụng vi mô, họ phải họp nhóm thường xuyên và tham gia nhiều hơn vào các hoạt động cộng đồng, từ đó giúp phụ nữ tự tin hơn và có những thay đổi tích cực trong nhận thức về bản thân cũng như thái độ của các thành viên trong hộ gia đình đối với họ. Orso và Fabrizi cũng xác nhận rằng phụ nữ có thể tự do hơn, có thêm các cơ hội để làm việc bên ngoài gia đình, có nhiều quyền lực hơn trong việc thảo luận và ra quyết định trong gia đình. Tóm lại, tài chính vi mô đã góp phần nâng cao quyền năng về kinh tế, chính trị và xã hội cho phụ nữ, từ đó gia tăng thịnh vượng cho bản thân phụ nữ và gia đình họ (Mayoux, 1999)⁽²⁹⁾.

(2) Tài chính vi mô là một nguyên nhân làm suy giảm quyền năng của phụ nữ

Trái ngược với trường phái tư tưởng tích cực, một số học giả và chuyên gia phát triển khác lại hoài nghi về sự đóng góp của tài chính vi mô đối với việc nâng cao quyền năng của phụ nữ. Theo Bateman và Chang (2009)⁽³⁰⁾, những tác động tích cực tới công cuộc giảm nghèo và phát triển bền vững là kết quả suy luận từ sự bền vững tài chính của các tổ chức tài chính vi mô. Họ cho rằng tài chính vi mô dường như tạo ra những hiệu ứng “tốt tạm thời” cho cả cá nhân, cộng đồng và các tổ chức tài chính vi mô nhưng về lâu dài có khả năng làm mất dần đi quyền năng của khách hàng. Cũng cố cho lập luận này, Ofreneo (2005)⁽³¹⁾ cho rằng các chương trình tài chính vi mô có thể làm giảm tính chủ động của phụ nữ trong quá trình phát triển và thao túng họ trở thành người thụ hưởng thụ động. Theo Ofreneo, các vị trí quản lý trong nhiều chương trình tài chính vi mô chủ yếu do nam giới đảm nhiệm và thường là những người thiếu nhạy cảm về giới.

Trường phái phê phán củng cố lập luận của mình bằng cách đưa ra những dẫn chứng về tác động tiêu cực của tài chính vi mô. Nghiên cứu trường hợp tại Băng-la-đét, Goetz và Sen Gupta (1996)⁽³²⁾ đưa ra dẫn chứng về việc ngay cả khi phụ nữ có quyền tiếp cận các khoản tín dụng nhỏ, họ cũng không thực sự kiểm soát được việc sử dụng chúng; thay vào đó, họ giao vốn cho thành viên nam giới trong gia đình. Tài chính vi mô thực chất không tạo ra được sự khác biệt nào trong nhận thức của phụ nữ về quyền bình đẳng với nam giới (Mathur và Aggarwal, 2017)⁽³³⁾; có thể làm gia tăng tình trạng nợ nần đối với người nghèo cùng cực (Rahman, 2001⁽³⁴⁾; Banerjee và Jackson, 2017⁽³⁵⁾); tạo thêm áp lực tài chính, áp lực công việc gia đình để hoàn thành nghĩa vụ trả

nợ (Rahman, 2001⁽³⁶⁾; Karim, 2011⁽³⁷⁾; Silverberg, 2014⁽³⁸⁾). Một số chương trình tài chính vi mô còn khiến phụ nữ dễ bị tổn thương hơn trước những chuẩn mực xã hội như: gia tăng bạo lực từ chồng do bị ép vay vốn hoặc do người chồng cảm thấy vị trí của mình trong gia đình bị đe dọa; áp lực từ cộng đồng, xã hội khi không có khả năng trả nợ (Karim, 2011⁽³⁹⁾; Rahman, 2001⁽⁴⁰⁾; Goetz và Sen Gupta, 1996⁽⁴¹⁾). Do đó, tài chính vi mô thực chất không phải là “thuốc chữa bách bệnh” cho sự kém phát triển của phụ nữ; trái lại, trong nhiều trường hợp đã khiến phụ nữ mất dần đi quyền năng của mình.

(3) Lý giải sự khác biệt trong diễn ngôn về tài chính vi mô và nâng cao quyền năng của phụ nữ

Đề thân trọng hơn trong việc xác định tác động của tài chính vi mô đối với nâng cao quyền năng của phụ nữ, một số học giả cho rằng cần cân nhắc nhiều yếu tố khác nhau. Trước hết, phương pháp nghiên cứu khác nhau cũng có thể đưa đến những kết quả khác nhau. Kabeer (2001)⁽⁴²⁾ giải thích rằng việc sử dụng số liệu thống kê hoặc dữ liệu định tính có thể tạo ra các phát hiện khác nhau. Ví dụ, việc phụ nữ tiếp cận tín dụng có liên quan đến việc giảm số vụ bạo lực gia đình nhưng lại làm trầm trọng thêm tình trạng bạo lực gia đình trong một số trường hợp cá biệt. Cũng theo Kabeer, cách diễn giải các dữ liệu cũng có thể dẫn đến sự khác biệt về kết quả nghiên cứu, cụ thể như việc phụ nữ tham gia nhiều hơn vào các hoạt động sản xuất của hộ gia đình có thể được diễn giải là gánh nặng công việc nhiều hơn nhưng cũng có thể được hiểu là đóng góp lớn hơn cho hộ gia đình. Bateman và Chang (2009)⁽⁴³⁾ cho rằng sự đánh đồng giữa khả năng bền vững tài chính của các tổ chức tài chính vi mô với thành công của tài chính vi mô cũng có thể gây hiểu lầm cho cách diễn giải kết quả.

Vấn đề thứ hai cần được quan tâm là đặc điểm của phụ nữ tham gia tài chính vi mô. Một nghiên cứu ở Ấn Độ do Vikas và Vijayalakshmi thực hiện năm 2017⁽⁴⁴⁾ cho thấy có mối liên quan giữa mức độ nâng cao quyền năng với đặc điểm nhân khẩu học của thành viên chương trình tài chính vi mô như: độ tuổi, trình độ học vấn, số lượng thành viên tạo ra thu nhập trong gia đình và mô hình gia đình. Các nghiên cứu ở Băng-la-đét và Ghana cũng cho rằng tài chính vi mô có xu hướng tạo ra tác động tích cực đến nhóm phụ nữ khá giả nhiều hơn là nhóm phụ nữ nghèo (Karim, 2011⁽⁴⁵⁾; Ganle và cộng sự, 2015⁽⁴⁶⁾). Theo Mohanty (1988)⁽⁴⁷⁾, Ganle và cộng sự (2015)⁽⁴⁸⁾, phụ nữ không phải là một nhóm đồng nhất và do đó, trải nghiệm của phụ nữ về tài chính vi mô cũng khác nhau. Cuối cùng, bối cảnh xã hội, nơi triển khai các chương trình tài chính vi mô, cũng có thể tạo nên sự tác động khác biệt. Johnson (2005)⁽⁴⁹⁾, Ganle và cộng sự (2015)⁽⁵⁰⁾ nhận thấy rằng tác động của các chương trình tài chính vi mô ở Malawi và Ghana phụ thuộc vào bối cảnh kinh tế - xã hội và văn hóa nơi các chương trình được triển khai.

3. Một số khuyến nghị chính sách cho Việt Nam

(1) *Khái quát về tài chính vi mô ở Việt Nam*

Ở Việt Nam, tài chính vi mô xuất hiện từ cuối những năm 1980 thông qua các chương trình, dự án có hợp phần tín dụng vi mô do các tổ chức quốc tế tài trợ. Đầu những năm 1990, các chương trình xóa đói giảm nghèo quốc gia coi tín dụng là một trong những công cụ chiến lược thúc đẩy sản xuất, góp phần xóa đói, giảm nghèo ở những vùng khó khăn. Năm 2020, Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 được ban hành, đề ra những chỉ tiêu, giải pháp cụ thể nhằm bảo đảm mọi người dân đều được tiếp cận và sử dụng an toàn, thuận tiện các sản phẩm, dịch vụ tài chính phù hợp nhu cầu,

với chi phí hợp lý, do các tổ chức được cấp phép cung ứng một cách có trách nhiệm và bền vững. Theo Ngân hàng Nhà nước, tính đến hết năm 2022, Việt Nam có bốn tổ chức tài chính vi mô đã được Ngân hàng Nhà nước cấp phép hoạt động theo Luật Các tổ chức tín dụng gồm: Tổ chức Tài chính vi mô Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Tinh Thương (TYM), Tổ chức Tài chính vi mô Trách nhiệm hữu hạn M7 (M7 - MFI), Tổ chức Tài chính vi mô Trách nhiệm hữu hạn Thanh Hóa (Thanh Hóa - MFI), Tổ chức Tài chính vi mô Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên (CEP) (Nguyễn Hữu Tịnh, 2023)⁽⁵¹⁾.

Kể từ khi vào Việt Nam, tài chính vi mô được coi là chiến lược xóa đói giảm nghèo hướng đến nhóm dân số có thu nhập thấp, nhóm người dễ bị tổn thương trong xã hội. Vai trò của tài chính vi mô được thể hiện trên cả hai khía cạnh kinh tế và xã hội. Theo Trần Thị Minh Hương (2020)⁽⁵²⁾, tài chính vi mô đem lại cả tác động về khía cạnh kinh tế và xã hội. Về mặt kinh tế, tài chính vi mô thực hiện chức năng tài chính, huy động vốn và cho vay, là cầu nối giữa người cho vay và người đi vay; đồng thời, thực hiện các dịch vụ như thanh toán, bảo hiểm... cho những người có thu nhập thấp nhằm thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh của họ. Về mặt xã hội, thông qua những hoạt động tài chính và phi tài chính, tài chính vi mô tạo điều kiện cho người nghèo tăng cường năng lực bản thân và thúc đẩy động lực tự phát triển, tránh tâm lý ỷ lại, trông chờ vào các chính sách hỗ trợ của Nhà nước.

Đối với phụ nữ, tài chính vi mô được xem như một công cụ hữu hiệu nhằm tăng khả năng tiếp cận nguồn lực nhờ điều kiện vay vốn đơn giản, không cần tài sản thế chấp, vốn được giải ngân ngay tại nơi sinh sống. Khi tham gia các chương trình tài chính vi mô, phụ nữ sẽ được trực tiếp quản lý tài chính, đồng thời tiếp cận với tri thức.

Điều này giúp phụ nữ có thêm thu nhập, việc làm, kiến thức, từ đó cải thiện đời sống của gia đình. Thông qua tài chính vi mô, phụ nữ có thể được gia đình, họ hàng và cộng đồng tôn trọng hơn, tránh được các mâu thuẫn về kinh tế trong gia đình. Do đó có thể nói, việc tham gia vào các chương trình tài chính vi mô giúp phụ nữ nghèo có thể gia tăng lòng tự trọng và ý thức về giá trị của bản thân (Trần Thị Minh Hương, 2020)⁽⁵³⁾.

Báo cáo do Trần Quang Tiến và cộng sự thực hiện năm 2022⁽⁵⁴⁾ đánh giá tác động 30 năm của TYM (Tổ chức tài chính vi mô chính thức đầu tiên tại Việt Nam do Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam thành lập năm 1992) cho thấy những tác động tích cực về mặt kinh tế và xã hội của tài chính vi mô đối với phụ nữ. Theo báo cáo, TYM đã tạo cơ hội cho các hộ gia đình nghèo hoặc có thu nhập thấp tiếp cận dịch vụ tài chính một cách dễ dàng và bền vững. Thông qua tiếp cận tài chính, 66% thành viên tham gia nghiên cứu đã có ngành nghề, hoạt động sản xuất kinh doanh mới. Hiệu quả sử dụng vốn vay từ TYM rất cao, với tỷ lệ 91,4% các món vay có tăng thu nhập, có lãi. Qua đó, tỷ lệ nghèo và cận nghèo giảm đáng kể, từ 21,4% xuống còn 6,4%; tỷ lệ hộ có nhà cấp 4 giảm từ 60% xuống 33% tại thời điểm đánh giá. Về mặt xã hội, 70% phụ nữ tham gia nghiên cứu khẳng định tự tin hơn; gần 60% phụ nữ tham gia bình đẳng vào quá trình ra quyết định và gần 80% có đóng góp tốt hơn vào thu nhập gia đình.

Bên cạnh những tác động tích cực đã được ghi nhận, trong những nỗ lực nhằm nâng cao quyền năng của phụ nữ, tài chính vi mô tại Việt Nam còn một số hạn chế.

Thứ nhất, các tổ chức tài chính vi mô được cấp phép hiện nay còn chưa nhiều, chưa bao phủ được hết cả nước (TYM hoạt động tại 13 tỉnh/thành phố; CEP hoạt động tại 10 tỉnh/thành phố; M7 hoạt động tại 2 tỉnh); do đó, chưa đem

lại nhiều lựa chọn về tài chính vi mô cho phụ nữ trong cả nước.

Thứ hai, ở các vùng dân tộc thiểu số, kiến thức và kỹ năng của phụ nữ còn hạn chế; khuôn mẫu và định kiến giới còn rất phổ biến tạo ra những rào cản lớn cho phụ nữ trong việc tiếp cận và sử dụng hiệu quả nguồn vốn từ các chương trình tài chính vi mô.

Thứ ba, kinh nghiệm quốc tế cho thấy, tác động của tài chính vi mô đối với nâng cao quyền năng của phụ nữ là không đồng nhất, bao gồm nhiều chiều cạnh; do đó, cần được xem xét hết sức thận trọng để tránh việc đánh đồng giữa tính bền vững của các tổ chức tài chính vi mô với sự hài lòng, phát triển của khách hàng cũng như đơn giản hóa việc đánh giá tác động của tài chính vi mô. Trong khi đó, những nghiên cứu sâu về tác động của tài chính vi mô đối với nâng cao quyền năng của phụ nữ ở Việt Nam còn khá hạn chế.

(2) Khuyến nghị chính sách

Từ phân tích một số quan điểm lý thuyết quốc tế và thực tiễn tài chính vi mô ở Việt Nam, bài viết đưa ra một số gợi ý chính sách nhằm góp phần thúc đẩy các tác động tích cực, khắc phục hạn chế và tránh những hệ lụy không mong đợi của tài chính vi mô như sau:

Thứ nhất, cần có sự đánh giá toàn diện hơn về tác động của tài chính vi mô tới phụ nữ và bình đẳng giới, đặc biệt là sự hài lòng của phụ nữ khi tham gia các chương trình này cũng như mối quan hệ giới trước và sau khi phụ nữ tham gia tài chính vi mô. Việc tập trung quá nhiều cho đánh giá tính bền vững của tổ chức tài chính vi mô có thể làm lu mờ những tác động về mặt chính trị, xã hội và kinh tế đối với đối tượng thụ hưởng. Khung đánh giá tác động về nâng cao quyền năng của phụ nữ trong các chương trình về tài chính vi mô có thể được thiết lập, làm cơ sở để đánh giá một cách chi tiết, khách quan.

Thứ hai, việc thực hiện các sáng kiến tài chính vi mô cần có sự cân nhắc kỹ lưỡng những yếu tố về hệ tư tưởng và văn hóa để bảo đảm rằng tài chính vi mô không biến phụ nữ trở thành công cụ nhằm hiện thực hóa những tư tưởng bất bình đẳng. Trong bối cảnh Băng-la-dét, Goetz và Sen Gupta (1996)⁽⁵⁵⁾ đã chỉ ra rằng khi nam giới gần như được độc quyền trong tiếp cận thị trường và có kiểm soát kinh tế nhiều hơn phụ nữ thì sự tiếp cận tín dụng của phụ nữ cuối cùng lại dẫn đến sự gia tăng kiểm soát nguồn lực cho nam giới. Bên cạnh đó, trong một nền văn hóa coi trọng sự “hỗ thẹn” và “tính thuần khiết” của người phụ nữ như Băng-la-dét thì việc tham gia tài chính vi mô cũng có thể tạo ra nguy cơ về áp lực “giữ thể diện” cho phụ nữ. Những yếu tố này cần được đặc biệt lưu ý trong khi thực hiện các chương trình tài chính vi mô tại các địa bàn dân tộc thiểu số ở Việt Nam, nơi bất bình đẳng và khuôn mẫu giới vẫn còn khá rõ nét.

Thứ ba, kinh nghiệm quốc tế cho thấy các tác động tích cực của tài chính vi mô đã ít nhiều bị hạn chế bởi sự phân công lao động theo giới và các chuẩn mực giới. Do đó, song song với việc nâng cao quyền năng của phụ nữ thông qua tài chính vi mô, cần quan tâm tới việc thay đổi nhận thức của xã hội về vị trí, vai trò của phụ nữ và nam giới, về bình đẳng giới. Có như vậy mới bảo đảm rằng tài chính vi mô không giúp gia tăng thu nhập cho phụ nữ bằng cách tạo ra “thêm việc, thêm trách nhiệm và thêm áp lực” cho họ.

Thứ tư, cần tăng cường các dịch vụ tài chính vi mô cho phụ nữ nói riêng và người nghèo nói chung thông qua việc tạo điều kiện để các tổ chức tài chính vi mô hiện có thực hiện tốt hơn sứ mệnh xã hội của mình, dễ dàng tiếp cận hơn tới cộng đồng; khuyến khích và tạo điều kiện pháp lý để có thêm tổ chức, dịch vụ tài chính vi mô nhằm đáp ứng nhu cầu vay vốn của phụ nữ trong cả nước.

Kết luận

Nói tóm lại, theo các lý thuyết và thực tiễn quốc tế hiện nay, nâng cao quyền năng cho phụ nữ là một câu chuyện đa chiều cạnh, diễn ra ở nhiều cấp độ. Do đó, việc đánh giá tác động của tài chính vi mô đối với việc nâng cao quyền năng của phụ nữ cần dựa trên một khung đánh giá cụ thể để toàn diện và sâu sắc hơn. Các nghiên cứu đã cho thấy tài chính vi mô có nhiều đóng góp cho quá trình nâng cao quyền năng của phụ nữ nhưng cũng có thể tạo ra một số tác động không mong muốn.

Để phát huy những thành tựu, khắc phục hạn chế trong vai trò của tài chính vi mô đối với việc nâng cao quyền năng của phụ nữ, Việt Nam cần quan tâm hơn nữa tới những yếu tố mang tính cấu trúc như: hệ tư tưởng, bối cảnh văn hóa; lấy đối tượng thụ hưởng là trung tâm, nâng cao nhận thức về bình đẳng giới và tạo điều kiện phát triển cả bề rộng lẫn chiều sâu của các chương trình tài chính vi mô ❖

(1) Cambridge Dictionary (2025), tại: <https://dictionary.cambridge.org/dictionary/english/power>, truy cập ngày 11/12/2024.

(2) Đào Duy Anh (1957), *Hán - Việt Từ điển*, Nxb. Trường Thi, Sài Gòn, tr.170.

(3) Nguyễn Như Ý (1998), *Đại từ điển tiếng Việt*, Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, tr.1384.

- (4) Rowlands, J. (1998), “*A Word of the Times, but What Does It Mean? Empowerment in the Discourse and Practice of Development*”, trong: Afshar, H. (ed.), *Women and Empowerment: Illustrations from the Third World*, Palgrave Macmillan, London.
- (5) Batliwala, S. (1994), “*The Meaning of Women’s Empowerment: New Concepts from Action*”, trong: Sen, G., Germain, A. and Chen, L. C. (eds.), *Population Policies Reconsidered: Health, Empowerment, and Rights*, Harvard School of Public Health, Boston, p.129.
- (6) Kabeer, N. (1999), “*Resources, Agency, Achievements: Reflections on the Measurement of Women’s Empowerment*”, trong: *Development and Change*, Vol. 30, pp.435-464.
- (7) Swain, R. B. and Wallentin, F. Y. (2009), “*Does Microfinance Empower Women? Evidence from Self-help Groups in India*”, trong: *International Review of Applied Economics*, Vol. 23, pp.541-556.
- (8) Khan, S. R. and Shaheen, R. (2016), “*Microcredit in South Asia: Privileging Women’s Perceptions and Voices*”, trong: *Progress in Development Studies*, Vol. 16(1), pp.65-80.
- (9), (10) Rowlands, J. (1995), “*Empowerment Examined*”, trong: *Development in Practice*, vol. 5(2), pp.101-107.
- (11) UNESCO (2022), *Glossary: Understanding Concepts around Gender Equality and Inclusion in Education*, tại: <https://unesdoc.unesco.org/ark:/48223/pf0000380971>, truy cập ngày 01/02/2025.
- (12) CARE (2006), *Global Research Framework for CARE’s Strategic Impact Inquiry on Women’s Empowerment*, tại: <https://www.care.org/wp-content/uploads/2020/06/SII-Womens-Empowerment-Global-Research-Framework-with-annexes-2006.pdf>, truy cập ngày 01/02/2025.
- (13), (15), (17) ILO (International Labor Organization) (1998), *Women in the Informal Sector and their Access to Microfinance*, tại: <http://www.gdrc.org/icm/wind/uis-wind.html>, truy cập ngày 30/12/2024.
- (14) Chen, M. A. (1997), *A Guide for Assessing the Impact of Microenterprise Services at the Individual Level*, tại: http://pdf.usaid.gov/pdf_docs/PNACB898.pdf, truy cập ngày 30/12/2024.
- (16) Leach, F. and Sitaram, S. (2002), “*Microfinance and Women’s Empowerment: A Lesson from India*”, trong: *Development in Practice*, Vol. 12, pp.575-588.
- (18), (19), (29) Mayoux, L. (1999), “*From Access to Empowerment: Gender Issues in Micro-finance*”, tại: <https://microfinancegateway.org/sites/default/files/publications/files/mfg-en-paper-from-access-to-empowerment-gender-issues-in-micro-finance-1999.pdf>, truy cập ngày 09/02/2025.
- (20) Osmani, L. N. K. (1998), “*The Grameen Bank Experiment: Empowerment of Women through Credit*”, trong: Afshar, H. (ed.), *Women and empowerment: Illustrations from the Third World*, Palgrave Macmillan, London.
- (21) Khandker, S. R., Khalily, B. and Khan, Z. (1995), *Grameen Bank: Performance and Sustainability*, tại: <https://documents1.worldbank.org/curated/en/893101468741588109/pdf/multi-page.pdf>, truy cập ngày 12/01/2025.
- (22), (46), (48), (50) Ganle, J. K., Afriyie, K. and Segbefia, A. Y. (2015), “*Microcredit: Empowerment and Disempowerment of Rural Women in Ghana*”, trong: *World Development*, Vol. 66, pp.335-345.
- (23), (24), (49) Johnson, S. (2005), “*Gender Relations, Empowerment and Microcredit: Moving on from a Lost Decade*”, trong: *European Journal of Development Research*, vol. 17, pp.224-248.
- (25) Al-Shami, S. S. A., Majid, I., Mohamad, M. R. and Rashid, N. (2017), “*Household Welfare and Women’s*

- Empowerment through Microcredit Financing: Evidence from Malaysia Microcredit*”, trong: Journal of Human Behavior in the Social Environment, Vol. 27, pp.894-910.
- (26) Schuler, S. R., Hashemi, S. M., Badal, S. H. (1998), “*Men’s Violence Against Women in Rural Bangladesh: Undermined or Exacerbated by Microcredit Programmes?*”, trong: Development in Practice, Vol. 8(2), pp.148-157.
- (27), (38) Silverberg, S. (2014), “*One Size Does Not Fit All: A Study of Microfinance Practices in Peru*”, trong: Undercurrent, Vol. 10, pp.45-53.
- (28) Orso, C. E. and Fabrizi, E. (2016), “*The Determinants of Women’s Empowerment in Bangladesh: The Role of Partner’s Attitudes and Participation in Microcredit Programmes*”, trong: Journal of Development Studies, Vol. 52, pp.895-912.
- (30), (43) Bateman, M. and Chang, H.-J. (2009), “*The Microfinance Illusion*”, tại: https://papers.ssrn.com/sol3/papers.cfm?abstract_id=2385174, truy cập ngày 01/02/2025.
- (31) Ofreneo, R. P. (2005), “*Problematizing Microfinance as an Empowerment Strategy for Women Living in Poverty: Some Policy Directions*”, trong: Gender, Technology and Development, Vol. 9(3), pp.373-394.
- (32), (41), (55) Goetz, A. M., Sen Gupta, R. (1996), “*Who Takes the Credit? Gender, Power, and Control over Loan Use in Rural Credit Programs in Bangladesh*”, trong: World Development, Vol. 1, pp.45-63.
- (33) Mathur, P. and Agarwal, P. (2017), “*Self Help Group: A Strategic Tool for Women Empowerment*”, trong: Pertanika Journal of Social Sciences & Humanities, Vol. 25, pp.837-849.
- (34), (36), (40) Rahman, A. (2001), *Women and Microcredit in Rural Bangladesh: Anthropological Study of the Rhetoric and Realities of Grameen Bank Lending*, Nxb. Westview Press, Boulder, Colo.
- (35) Banerjee, S. B., Jackson, L. (2017), “*Microfinance and the Business of Poverty Reduction: Critical Perspectives from Rural Bangladesh*”, trong: Human Relations, Vol. 70, pp.63-91.
- (37), (39), (45) Karim, L. (2011), *Microfinance and its Discontents: Women in Debt in Bangladesh*, University of Minnesota Press, Minneapolis.
- (42) Kabeer, N. (2001), “*Conflicts over Credit: Re-evaluating the Empowerment Potential of Loans to Women in Rural Bangladesh*”, trong: World Development, Vol. 29, pp.63-84.
- (44) Vikas, B. and Vijayalakshmi, B. (2017), “*Microfinance and Women’s Empowerment: An Exploratory Demographic Study in Karnataka, India*”, trong: South Asian Journal of Management, Vol. 24, pp.46-61.
- (47) Mohanty, C. T. (1988), “*Under Western Eyes: Feminist Scholarship and Colonial Discourses*”, trong: Feminist Review, Vol. 30, pp.61-88.
- (51) Nguyễn Hữu Tịnh (2023), “*Giải pháp phát triển tài chính vi mô ở Việt Nam*”, tại: <https://tapchitaichinh.vn/giai-phap-phat-trien-tai-chinh-vi-mo-o-viet-nam.html>, truy cập ngày 04/12/2024.
- (52), (53) Trần Thị Minh Hương (2020), *Hoạt động tài chính vi mô hỗ trợ phụ nữ giảm nghèo tại Việt Nam: Cơ hội và thách thức*, tại: [https://ktpt.neu.edu.vn/Uploads/Bai%20bao/2020/So%20271\(II\)/379249.pdf](https://ktpt.neu.edu.vn/Uploads/Bai%20bao/2020/So%20271(II)/379249.pdf), truy cập ngày 05/12/2024.
- (54) Trần Quang Tiến và cộng sự (2022), *Báo cáo kết quả đánh giá nghiên cứu tác động của Tổ chức tài chính vi mô Trách nhiệm hữu hạn MTV Tỉnh thương đến thành viên, khách hàng và cộng đồng - 30 năm hình thành và phát triển*, tại: <https://tymfund.org.vn/wp-content/uploads/2022/10/Bao-cao-danh-gia-tac-dong-30-nam-TYM.docx.pdf>, truy cập ngày 09/12/2024.